

Bản án số: 04/2022/HNGĐ -ST

Ngày 27/01/2022

“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Xuân Hùng.

2. Bà Vũ Thu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đăng Toàn - Là Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện VKSND thị xã Mỹ Hào tham gia phiên tòa: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “*kiện ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1988 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Phan Đình P, thị xã M, tỉnh H.

* **Bị đơn:** Chị Chu Thị L, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh H.

* **Người làm chứng:** Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1945 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Ngọc Đ đề ngày 19 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

1. Nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị L đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (*nay là phường N, thị xã M*), tỉnh H năm 2014 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay.

Nguyên nhân là do hiềm muộn con cái nên hai bên bất đồng về quan điểm sống, từ đó dẫn đến không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng nhiều lần to tiếng, cãi vã. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay tình cảm không được cải thiện. Nay anh xác định cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, thực tế vợ chồng đang ly thân nhau. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung, hiện tại chị L không có thai nghén gì. Vì vậy, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Chu Thị L, mặc dù đã nhiều lần được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị L đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của chị L.

3. Đối với người làm chứng là ông Phạm Ngọc Đ (*là bố của anh Đ*) trình bày: Ông được anh Đ nói cho biết việc vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau về quan điểm sống. Ông cũng đã khuyên bảo để vợ chồng anh chị bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay tình cảm vẫn không được cải thiện, nếu cứ tình trạng như thế này thì chỉ khổ cả hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Lương vắng mặt nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Phạm Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Chu Thị L. Về con chung, tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Định tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Đ và xử cho anh Đ được ly hôn với chị L; Về con chung, tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Ngọc Đ và chị Chu Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M (*nay là Ủy ban nhân dân phường N, thị xã M*), tỉnh H năm 2014 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Đ khởi kiện xin ly hôn với chị L nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị L có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố L, phường N, thị xã M nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn là chị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh Đ đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh và chị L đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Về nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống và không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và đã ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh Đ xác định cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn và anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đối với chị L không có mặt làm việc và cũng không trình bày ý kiến mặc dù đã được nhiều lần triệu tập và thông báo trực tiếp. Chị L biết rất rõ việc anh Đ đang làm đơn xin ly hôn với chị. Nếu chị còn tình cảm thì phải có mặt để trình bày nguyện vọng của mình. Tuy nhiên, chị L vẫn vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình. Điều đó đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Tại phiên tòa, anh Đ vẫn xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ và giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có con chung và anh tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Chị L không có ý kiến gì. Vì vậy, vấn đề con chung không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Đ tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với chị L không có ý kiến gì. Vì vậy, không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này, anh chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Phạm Ngọc Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc Đ.

Xử cho anh Phạm Ngọc Đ được ly hôn chị Chu Thị L.

2. Về con chung, tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này, anh chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Anh Phạm Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013035 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H, anh Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND phường Na;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thế Dương